TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIO LINH** T QUẢNG TRỊ Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST Ngày: 29/04/2025 V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH, T QUẢNG TRỊ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Xuân Hòa và ông Nguyễn Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Thanh hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, T Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Trần Thị T, sinh năm 1994;

Địa chỉ : khu phố Ch, phường Ph, quận Thuận Hóa, thành phố Huế- có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: anh Lê Ngọc N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn C, , huyện Gio Linh, T Quảng Trị, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn, chị Trần Thị T trình bày: chị Trần Thị T và anh Lê Ngọc N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P , huyện Phú Vang , T Thừa Thiên –Huế (nay là phường Ph, quận Thuận Hóa, thành phố Huế) vào ngày 06/5/2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh Lê Ngọc N không chịu làm ăn, dẫn đến vợ chồng cãi vã. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng hiện sống ly thân. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Ngọc N.

- Về con chung: chị Trần Thị T và anh Lê Ngọc N có 02 con chung là cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 18/02/2012, cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 19/12/2014. Nếu ly hôn, chị Trần Thị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc N1 và cháu Lê Ngọc Tường V . Không yêu cầu anh Lê Ngọc N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn anh Lê Ngọc N do bà Lê Thị M (mẹ anh Lê Ngọc N) nhận thay , nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa*:

- Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 BLTTDS, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: đề nghị xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Ngọc N.

+ Về con chung: căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: giao cháu cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 18/02/2012, cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Ngọc N theo đúng quy định của BLTTDS nhưng anh Lê Ngọc N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: bị đơn anh Lê Ngọc N có nơi thường trú tại khu phố T, thị trấn C, huyện Gio Linh, T Quảng Trị. Nên Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết là đúng quy định theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Trần Thị T và anh Lê Ngọc N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P , huyện Phú Vang , T Thừa Thiên –Huế (nay là phường Ph, quận Thuận Hóa, thành phố Huế). Tuy nhiên, chị Trần Thị T có con là cháu Lê Ngọc N1 sinh ngày 18/02/2012 khi chị Trần Thị T chưa đủ 18 tuổi, nhưng đã trên 16 tuổi; khi chị Trần Thị T đủ tuổi, anh Lê Ngọc N và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn; cả chị Trần Thị T và anh Lê Ngọc N đều thừa nhận cháu Lê Ngọc N1 là con chung thể hiện qua việc cháu Lê Ngọc N1 được tiến hành khai sinh vào ngày 18/11/2013, sau khi anh Lê Ngọc N và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn với họ tên mẹ là Trần Thị T, họ tên bố là Lê Ngọc N. Theo quy định, thì hành vi của anh Lê Ngọc N bị xem xét xử lý vi phạm hành chính, nhưng đến nay thì hành vi trên đã hết thời hiệu xem xét xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, khi tiếp nhận đơn ly hôn của chị Trần Thị T, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh tiến hành giải quyết vụ việc theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Lê Ngọc N tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh N, xác nhận: vợ chồng chị Trần Thị T và anh Lê Ngọc N có xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không sống chung với nnha, chị Trần Thị T và 2 con không sống tại địa phương. Như vậy, đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lê Ngọc N không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] *Về con chung*: chị Trần Thị T và anh Lê Ngọc N có 02 con chung là cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 18/02/2012, cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 19/12/2014 . Nếu ly hôn, chị Trần Thị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc N1 và cháu Lê Ngọc Tường V . Không yêu cầu anh Lê Ngọc N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Ngọc N không có ý kiến trình bày về trách nhiệm nuôi con sau ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, để quyết định người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn cho ai cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của cha và mẹ để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần đầy đủ cho con. Cả 2

cháu Lê Ngọc N1 và cháu Lê Ngọc Tường V đều có nguyện vọng được ở với mẹ . Và trên thực tế 2 cháu ở với chị T từ trước đến nay. Hiện chị Trần Thị T đang sống cùng cháu Lê Ngọc N1 và cháu Lê Ngọc Tường V tại nhà bố mẹ đẻ của chị T tại khu phố C, phường Ph, quận Thuận hóa, thành phố Huế; bố mẹ chị T cam kết tạo điều kiện chỗ ở cho chị T và các cháu; chị Trần Thị T hiện đang mở quán cơm bình dân thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/ tháng. Từ những phân tích nêu trên cho thấy chị Trần Thị T có đầy đủ điều kiện là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc N1 và cháu Lê Ngọc Tường V. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát giao cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 18/02/2012, cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dgc ; anh Lê Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238; khoản 2 Điều 266, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về "*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*", xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị T ly hôn anh Lê Ngọc N .

2. Về con chung: giao cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 18/02/2012 và cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lê Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị Trần Thị T phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023 số 0000452 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Gio Linh;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- TAND T Quảng Trị;
- Uỷ ban nhân nhân Ph, quận Thuận Hóa, thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Oanh